

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TXD21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02291** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tin học**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTXD0301	Nguyễn Hoàng An	16/06/2005				9	9				4.3		6.2
2	21BTXD0302	Bùi Hoài Bảo	14/04/2006				9	9				5.0		6.6
3	21BTXD0304	Trần Gia Bảo	22/10/2006				6	6				0.0	0.0	2.4
4	21BTXD0305	Nguyễn Ngọc Chính	03/12/2006				6	5				0.0	0.0	2.1
5	21BTXD0306	Phan Hải Đăng	17/04/2006				9	9				0.0	0.0	3.6
6	21BTXD0307	Lê Khánh Duy	16/09/2006				9	9				5.4		6.8
7	21BTXD0308	Cao Trung Hiếu	07/04/2006				6	5				0.0	0.0	2.1
8	21BTXD0309	Võ Phước Qui	11/06/2005				6	6				0.0	0.0	2.4
9	21BTXD0310	Lâm Bảo Hy	11/01/2006				9	9				7.8		8.3
10	21BTXD0311	Nguyễn Tuấn Kha	13/09/2006				9	9				5.0		6.6
11	21BTXD0313	Nguyễn Chương Chí	12/11/2006				6	5				0.0	0.0	2.1
12	21BTXD0314	Nguyễn Quốc Kiệt	15/04/2006				6	5				4.8		5.0
13	21BTXD0315	Nguyễn Tuấn Kiệt	22/05/2005				9	9				0.0	0.0	3.6
14	21BTXD0316	Phan Nguyễn Thành Lễ	01/05/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
15	21BTXD0317	Nguyễn Phước Lộc	09/01/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
16	21BTXD0319	Phạm Tài Lợi	03/01/2006				9	9				5.1		6.7
17	21BTXD0320	Phạm Hải Nam	08/09/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
18	21BTXD0322	Nguyễn Triệu Phú	27/11/2005				5	6				0.0	6.8	6.3
19	21BTXD0323	Trần Lê Quang Phúc	06/12/2006				9	9				0.0	5.1	6.7
20	21BTXD0324	Nguyễn Vũ Phương	07/04/2006				9	9				4.4		6.2
21	21BTXD0325	Phan Nguyễn Vinh Quang	08/08/2006				9	9				5.6		7.0
22	21BTXD0326	Nguyễn Văn Quý	07/03/2006				9	9				5.2		6.7
23	21BTXD0327	Phạm Phú Toàn	16/08/2005				5	6				0.0	0.0	2.3
24	21BTXD0328	Nguyễn Thanh Tú	21/09/2006				5	6				0.0	0.0	2.3
25	21BTXD0329	Huỳnh Văn Vĩ	28/02/2005				6	6				0.0	0.0	2.4
26	21BTXD0330	Nguyễn Văn Vũ	01/01/2005				7	7				0.0	5.5	6.1

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang